Chi tiết mã HS 4002.19.90

Mã HS	4002.19.90
Mô tả hàng hóa	Cao su tổng hợp và các chất thay thế cao su dẫn xuất từ dầu, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, tờ hoặc dải; hỗn hợp của một sản phẩm bất kỳ của nhóm 40.01 với một sản phẩm bất kỳ của nhóm này, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, tờ hoặc dải / - Cao su styren-butadien (SBR); cao su styren-butadien đã được carboxyl hóa (XSBR): / - - Loại khác: / - - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	03/11/2026 12:31:45
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/40021990/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K6325
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N6325
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q6325
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP	1	1%	115/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CM6325
Thuế XK ưu đãi EVFTA	1	1%	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP6325
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	1	1%	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS6325

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E6114
ATIGA	2022	2022	0	AT!E6075
ATIGA	2023	2023	0	AT!F6075
ATIGA	2024	2024	0	AT!G6075
ATIGA	2025	2025	0	AT!H6075
ATIGA	2026	2026	0	AT!I6075
ATIGA	2027	2027	0	AT!J6075
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E6119
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F6119
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G6119
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H6119

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I6119
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J6119
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E6117
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F6117
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G6117
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H6117
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I6117
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J6117
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F6125
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H6081
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F6077
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G6077
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H6077
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I6077
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J6077
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K6077
VKFTA	2022	2022	0	VK!E6101
VKFTA	2023	2023	0	VK!F6101
VKFTA	2024	2024	0	VK!G6101
VKFTA	2025	2025	0	VK!H6101
VKFTA	2026	2026	0	VK!I6101
VKFTA	2027	2027	0	VK!J6101
VCFTA	2022	2022	0	VC!D6143
VCFTA	2023	2023	0	VC!E6143
VCFTA	2024	2024	0	VC!F6143
VCFTA	2025	2025	0	VC!G6143

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H6143
VCFTA	2027	2027	0	VC!I6143
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D6128
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E6128
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F6128
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G6128
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H6128
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I6128
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D6131
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E6131
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F6131
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G6131
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H6131
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I6131
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D6116
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E6116
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F6116
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G6116
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H6116
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I6116
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D6118
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E6118
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F6118
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G6118
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H6118
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I6118

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D6103
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E6103
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F6103
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G6103
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H6103
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I6103
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J6103
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D6121
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E6121
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F6121
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G6121
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H6121
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I6121
RCEP B	2022	2022	0	B!D6121
RCEP B	2023	2023	0	B!E6121
RCEP B	2024	2024	0	B!F6121
RCEP B	2025	2025	0	B!G6121
RCEP B	2026	2026	0	B!H6121
RCEP B	2027	2027	0	B!I6121
RCEP C	2022	2022	0	C!D6121
RCEP C	2023	2023	0	C!E6121
RCEP C	2024	2024	0	C!F6121
RCEP C	2025	2025	0	C!G6121
RCEP C	2026	2026	0	C!H6121
RCEP C	2027	2027	0	C!I6121
RCEP D	2022	2022	0	D!D6121

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E6121
RCEP D	2024	2024	0	D!F6121
RCEP D	2025	2025	0	D!G6121
RCEP D	2026	2026	0	D!H6121
RCEP D	2027	2027	0	D!I6121
RCEP E	2022	2022	0	E!D6124
RCEP E	2023	2023	0	E!E6124
RCEP E	2024	2024	0	E!F6124
RCEP E	2025	2025	0	E!G6124
RCEP E	2026	2026	0	E!H6124
RCEP E	2027	2027	0	E!I6124
RCEP F	2022	2022	0	F!D6121
RCEP F	2023	2023	0	F!E6121
RCEP F	2024	2024	0	F!F6121
RCEP F	2025	2025	0	F!G6121
RCEP F	2026	2026	0	F!H6121
RCEP F	2027	2027	0	F!I6121
VIFTA	2024	2024	0	VI!F5663
VIFTA	2025	2025	0	VI!G5663
VIFTA	2026	2026	0	VI!H5663
VIFTA	2027	2027	0	VI!I5663

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 4002.19 có 2 dòng thuế; dòng 4002.19.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	4002.19.10 Dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, tờ hoặc dải chưa lưu hóa, chưa pha trộn	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4002.19.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 4002.19.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N6325), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.